TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 4 – 2024
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Du.

2. Ông Huỳnh Văn Hồng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 598/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX - ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐ – HPT ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Thu H,** sinh năm: 1983 (Vắng, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thanh Minh H**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh H hôn nhân hình thành do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận 7, phường Tân Thuận Đông, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 04/07/2006.

Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cải, anh H không quan tâm, chăm sóc chị. Chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh H.

- *Về con chung*: Chị và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung pH thu, pH trả*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến; biên bản hòa giải ngày 19/02/2024 anh Nguyễn Thanh Minh H trình bày*: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị H về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, pH thu pH trả. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh chị không có con chung không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết để tự thỏa thuận.

- *Về nợ pH thu, pH trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, để tự thỏa thuận.

- Tuy nhiên vào ngày 23/02/2024 anh H có đơn xin thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn do anh nhận thấy anh và chị H còn tình cảm và có khả năng đoàn tụ.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh H.

- Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh Minh H thống nhất xác định anh chị không có con chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung pH thu, pH trả: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh Minh H thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị H pH nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000đ. Anh H không pH nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa chị H và bị đơn anh H, anh H có nơi cư trú tại ấp Đập Thủ, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa chị H và anh H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H anh H có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị H yêu cầu xin ly hôn với anh H do không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Anh H thì không đồng ý ly hôn do còn tH chị H muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa chị H anh H có nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến tình cảm chị H dành cho anh H không còn nữa nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác; trong quan hệ hôn nhân nếu muốn sống hạnh phúc thì hôn nhân pH xuất phát từ tình cảm hai phía. Tuy nhiên chị H cho rằng không còn tính cảm với anh H nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Chị H anh H thống nhất xác định anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về tài sản chung: Chị H anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Chị H anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Chị H pH nộp số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình, anh H không pH nộp án phí.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Minh H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh Minh H thống nhất xác định anh chị không có con chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh Minh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh Minh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

+ Chị Trần Thị Thu H pH nộp số tiền là: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008575, ngày 30/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ không pH nộp thêm.

+ Anh Nguyễn Thanh Minh H không pH nộp án phí.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện V;
-Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn